

Số: /BC-STP

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 24/12/2024 và Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23/01/2025 tỉnh Kon Tum (cũ)*), trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, địa phương¹, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác hòa giải ở cơ sở năm 2025 trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, Sở tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trình HĐND tỉnh ban hành 07 văn bản²; Sở Tư pháp ban hành 12 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện và một số văn bản về công tác chuẩn tiếp cận pháp luật có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác hòa giải ở cơ sở³.

¹ Ủy ban MTTQVN tỉnh; Hội LHPN tỉnh; Công an tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh... và 73 UBND xã, phường, đặc khu Lý Sơn.

² Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 24/12/2024 và Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 23/01/2025 tỉnh Kon Tum (cũ)*), Công văn số 251/HĐND-PC ngày 05/12/2025 V/v xây dựng Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2569/UBND-NC ngày 06/5/2025 triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 02/12/2025 đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...

³ Công văn số 1354/STP-PBGDPL ngày 06/12/2025 V/v tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 465/STP-PBGDPL ngày 29/8/2025 V/v lựa chọn và gửi thông tin 02 đơn vị cấp xã thực hiện điểm theo Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030"; Công văn số 747/STP-PBGDPL ngày 07/5/2025 V/v góp ý dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; Công văn số 1103/STP-PBGDPL ngày 10/11/2025 V/v đôn đốc thực hiện kiện toàn các tổ hòa giải ở cơ sở, đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở, tập huấn viên hoà giải ở cơ sở và đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật; Công văn số 1154/STP-PBGDPL ngày 14/11/2025 V/v báo cáo kết quả thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; Kế hoạch số 13/KH-STP ngày 18/8/2025 kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan và UBND các cấp đã xây dựng kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện tại cơ sở.

2. Công tác tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở và các văn bản luật khác liên quan

a) Cấp tỉnh

- **Sở Tư pháp** tổ chức **06** lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ công tác hòa giải ở cơ sở, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hơn 700 đại biểu dự là đại diện lãnh đạo UBND xã, tập huấn viên, công chức tư pháp - hộ tịch, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở tại các xã Bờ Y, Ngọc Tụ, Ba Động, Vạn Tường; 02 huyện Đăk Glei và Ngọc Hồi (*tỉnh Kon Tum trước đây*). Bên cạnh đó, Sở tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hơn 1.000 lượt công chức tham mưu công tác hòa giải ở cơ sở, tập huấn viên, hoà giải viên cơ sở theo các chương trình, kế hoạch, đề án về PBGDPL⁴ với 20 lớp tập huấn tại một số UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; thực hiện biên soạn tài liệu pháp luật, tài liệu về kỹ năng nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở đăng tải trên Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp để công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên cơ sở truy cập, nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn (*với hơn 66 tài liệu pháp luật và 21.000 tờ gấp pháp luật*). Ngoài ra, Sở ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh; đồng thời, thực hiện lựa chọn địa phương có tỷ lệ hòa giải thành thấp hoặc có nhiều vướng mắc trong triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn để Bộ Tư pháp trực tiếp hướng dẫn, thực hiện chỉ đạo điểm trong thời gian đến (*đã tổng hợp cung cấp 02 đơn vị hành chính cấp xã đó là xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ, tại Công văn số 465/STP-PBGDPL ngày 29/8/2025*).

Bên cạnh đó, một số cơ quan ở tỉnh⁵ cũng thực hiện bồi dưỡng kiến thức

và kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở năm 2025; Công văn số 407/STP-PBGDPL ngày 21/8/2025 V/v gửi báo cáo tham luận theo Công văn số 5026/BTP-PB&TG ngày 15/8/2025 của Bộ Tư pháp; Công văn số 236/STP-PBGDPL ngày 04/8/2025 về hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác hoà giải ở cơ sở năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1455/STP-PBGDPL ngày 17/12/2025 V/v báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Công văn số 44/STP-PBGDPL ngày 10/7/2025 về việc rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 606/STP-XDKTr&PBPL ngày 01/4/2025 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL, HGCS; chuẩn TCPL năm 2025; Kế hoạch số 16/KH-STP ngày 17/02/2025 về tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ: kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, pháp chế, PBGDPL, HGCS năm 2025...

⁴ Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn”; Đề án “Truyền thông quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028”; tập huấn, tuyên truyền PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo Điều 17 của Luật PBGDPL; tập huấn, tuyên truyền về biển, hải đảo, công tác giao thông, công tác phòng chống tội phạm, công tác gia đình (hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, bạo lực gia đình); tập huấn theo Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”...

⁵ UBNDTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Hội Luật gia...

pháp luật cho lực lượng hoà giải viên ở cơ sở thông qua việc tổ chức các đợt tuyên truyền, tập huấn tại địa phương và duy trì hoạt động của 213 “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng, mô hình “03 không, 01 có” góp phần hạn chế phụ nữ bị bạo lực gia đình và trẻ em bị xâm hại tình dục; thông qua các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”...

b) Ở cấp xã

Hiện nay UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn luôn chú trọng, quan tâm và chủ động triển khai, phổ biến nội dung về công tác hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật liên quan cho cán bộ làm công tác hòa giải cơ sở, tuyên truyền viên pháp luật, tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở trong thôn, tổ dân phố, khu dân cư hơn 70 đợt tập huấn, tuyên truyền với hơn 3.000 lượt đại biểu dự, đồng thời tổ chức lồng ghép trong các hoạt động khác của các cấp hội, đoàn thể tại địa phương; đã cấp Sổ hoạt động hoà giải ở cơ sở, cấp phát nhiều tài liệu pháp luật, tờ gấp, tờ rơi, tin bài pháp luật thực hiện đăng tải trên trang tin điện tử địa phương, các trang mạng xã hội; thực hiện tuyên truyền lưu động tại cơ sở và phát hàng tuần trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở...

Bên cạnh đó, cấp xã thực hiện và duy trì một số mô hình hoà giải ở cơ sở như “Tổ hoà giải điểm” (xã Đông Trà Bông), “Tổ hòa giải ở cơ sở kiểu mẫu” (xã Mộ Đức), “*Tổ hòa giải ở cơ sở kiểu mẫu*”(xã Nghĩa Hành)...

3. Kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở

Sở Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện củng cố, kiện toàn các tổ hòa giải ở cơ sở và tổ chức rà soát, thống kê các tổ hòa giải, hòa giải viên trên địa bàn năm 2025. Qua thống kê, số liệu hoạt động hòa giải ở cơ sở (đến cuối tháng 10/2025) hiện có **1.690** tổ hòa giải với **10.832** hòa giải viên ở cơ sở (*trong đó nam 8.008 người, nữ 2.824 người, chuyên môn luật có 87 người, chưa qua đào tạo chuyên môn luật 10.745 người, dân tộc thiểu số có 4.547 người*); các tổ hòa giải trên toàn tỉnh về cơ bản có đầy đủ các thành phần hội đoàn thể chính trị ở thôn, tổ dân phố, những người có uy tín, am hiểu pháp luật tham gia, mỗi tổ hòa giải có từ 03 đến 12 hòa giải viên tùy theo đặc điểm, địa bàn, khu dân cư và đều có thành viên là nữ tham gia trong tổ hòa giải; qua đó góp phần giải quyết nhiều vụ tranh chấp, mâu thuẫn trong nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, hạn chế đơn thư, khiếu nại vượt cấp và đây là điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với hoạt động hòa giải trên phạm vi địa bàn quản lý. Các tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở đã tiếp nhận **1.399** vụ, việc; trong đó về đất đai 856 vụ việc, hôn nhân gia đình 239 vụ việc, khác có 304 vụ việc; đã hòa giải thành **1.103** vụ việc đạt tỷ lệ hơn **79%** (*cụ thể xem phụ lục 1*).

4. Nguồn lực thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

- Hiện nay, ở tỉnh, cấp xã và các cơ quan tổ chức chính trị - xã hội đều giao từ 01-02 cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu, theo dõi, quản lý công tác hòa giải ở cơ sở (kiêm nhiệm); đội ngũ này thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng. Đội ngũ tập huấn viên hòa giải ở tỉnh hiện có 14 cán bộ, công chức; đội ngũ tập huấn viên ở xã hiện có hơn 100 cán bộ, công chức tại một số cấp xã (*công tác này tại một số xã, phường đang thực hiện kiện toàn*).

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh (*Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ)*), các cơ quan, địa phương đã quan tâm bố trí kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, trên thực tế còn một số địa phương chưa quan tâm để thực hiện hỗ trợ các mức chi đảm bảo theo Nghị quyết này đã làm ảnh hưởng chung đến chất lượng hoạt động của công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, theo số liệu thống kê đến cuối tháng 10/2025 kinh phí cấp xã toàn tỉnh hiện có 475.000.000 đồng, trong đó chi thù lao cho hoà giải viên 170.880.000 đồng (*cụ thể xem phụ lục 1*).

- Năm 2025, Sở Tư pháp được bố trí kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên ở cơ sở, in cấp phát sổ hoạt động hoà giải ở cơ sở với kinh phí **103** triệu đồng; đồng thời, huy động nguồn lực từ Trung ương (*mời báo cáo viên pháp luật Trung ương báo cáo*) và phối hợp với Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường cho các địa phương trong đó có lực lượng làm công tác hoà giải ở cơ sở tham dự. Ngoài ra, ở cấp xã huy động nguồn lực xã hội cho công tác này thực hiện trong việc hỗ trợ nguồn lực báo cáo viên pháp luật, kinh phí từ các cấp trên về tổ chức tập huấn tại địa phương.

5. Sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các cơ quan liên quan với cơ quan Tư pháp trong công tác hòa giải ở cơ sở

Công tác phối hợp giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và cơ quan Tư pháp cùng cấp từ tỉnh đến cơ sở luôn tích cực; cấp xã đã phối hợp tốt trong hoạt động hòa giải ở cơ sở qua việc thực hiện kiện toàn tổ hoà giải, hoà giải viên ở cơ sở chú trọng lựa chọn hòa giải viên ở cơ sở đủ tiêu chuẩn, điều kiện đảm bảo theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở, đồng thời thực hiện qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho lực lượng hoà giải viên cơ sở; gắn hoạt động hòa giải ở cơ sở với các phong trào, cuộc vận động tại cơ sở như Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh

tổ quốc”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”...

6. Hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng trong công tác hòa giải ở cơ sở

Công tác này được Sở Tư pháp chú trọng thực hiện hằng năm, tuy nhiên trong năm 2025 có sự thay đổi về bộ máy hành chính nhà nước, sáp nhập địa giới hành chính các cấp nên việc thực hiện kiểm tra tạm hoãn; công tác sơ kết, tổng kết thực hiện thường xuyên theo định kỳ 06 tháng, 01 năm và luôn chú trọng thực hiện khen thưởng hằng năm cho những người làm công tác hòa giải ở cơ sở trong dịp tổng kết công tác ngành. Đối với cấp xã, một số địa phương đã quan tâm tổ chức kiểm tra và khen thưởng cho hoà giải viên ở cơ sở trong dịp tổng kết cuối năm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Trong năm 2025, công tác hòa giải ở cơ sở đã được các cơ quan, địa phương quan tâm, đẩy mạnh triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu kế hoạch đề ra. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đoàn thể về vai trò, vị trí của công tác hòa giải ở cơ sở trong đời sống xã hội tiếp tục được nâng lên. Sở Tư pháp luôn chủ động trong tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở; các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tích cực phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp; tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ sở hoạt động hiệu quả nhiệt tình, có trách nhiệm; chú trọng tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên ở cơ sở, thường xuyên củng cố, kiện toàn kịp thời tạo thành mạng lưới rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, những tranh chấp, bất đồng phát sinh tại cơ sở đã được giải quyết kịp thời, dứt điểm; không để tranh chấp kéo dài, khó xử lý, hạn chế tình trạng khiếu kiện ra cơ quan nhà nước, khiếu kiện vượt cấp; góp phần xây dựng khối đoàn kết cộng đồng bền vững, từ đó góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

2. Tồn tại và hạn chế

- Một số cấp ủy, chính quyền ở địa phương chưa thật sự quan tâm đúng mức đối với công tác hòa giải ở cơ sở, một số địa phương chưa thực hiện hỗ trợ kinh phí theo quy định; chưa quan tâm chi kịp thời kinh phí thù lao vụ việc cho hoà giải viên (*thực hiện tổng hợp thanh toán thù lao vụ việc vào dịp cuối năm*).

- Đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở chưa thực hiện tốt việc tham mưu cho UBND cùng cấp, còn trông chờ sự hỗ trợ của cấp trên, chưa chủ động tham mưu xây dựng mô hình hòa giải ở cơ sở điển hình, hiệu quả; việc theo dõi, đôn đốc kiện toàn, củng cố

các tổ hòa giải khi có thay đổi nhân sự đôi lúc chưa kịp thời, chưa đảm bảo; đồng thời, đơn vị hành chính cấp xã mới sáp nhập nên một số công chức mới nhận nhiệm vụ còn lung túng, chưa hiểu rõ nhiệm vụ để tham mưu.

- Nhiều địa phương chưa vận động, thu hút những người từng làm công tác pháp luật (*đã nghỉ hưu*), luật sư,... tham gia hòa giải tại địa phương. Một số xã miền núi, vùng cao, vùng xa đi lại khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức về pháp luật chưa cao, nên nhiều hòa giải viên nơi này chưa thật sự vận dụng linh hoạt pháp luật để giải quyết các vụ việc; việc tự nghiên cứu, tra cứu, tìm hiểu pháp luật còn nhiều khó khăn.

- Công tác kiểm tra, biểu dương, khen thưởng ở một số địa phương chưa quan tâm chú trọng; sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với Mặt trận cùng cấp và các tổ chức chính trị xã hội có nơi chưa tích cực, đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở của các tổ hòa giải trên địa bàn; chế độ báo cáo và nội dung báo cáo chưa đầy đủ theo yêu cầu (*23 đơn vị cấp xã chưa gửi báo cáo*).

3. Nguyên nhân

- Hiện nay văn bản quy phạm pháp luật được ban hành số lượng ngày càng nhiều, nhiều quy định pháp luật thường xuyên sửa đổi, bổ sung dẫn đến việc cập nhật kiến thức pháp luật và vận dụng để hòa giải tranh chấp liên quan đến các lĩnh vực phát sinh trong thực tế của hòa giải viên còn hạn chế, chưa nắm bắt, tìm hiểu kịp thời.

- Một số mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải trong Nhân dân có tính chất phức tạp của vụ việc, nhất là tranh chấp trong lĩnh vực đất đai, môi trường. Một số hòa giải ở cơ sở còn tâm lý e ngại và chần chừ khi tham gia hòa giải vụ việc tại địa phương.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở nên chưa quan tâm chỉ đạo kịp thời, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc. Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải còn hạn chế, chưa tương xứng với khối lượng công việc và trách nhiệm của hòa giải viên.

- Đội ngũ công chức tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở ở địa phương đa số hoạt động kiêm nhiệm (*đảm nhận nhiều nhiệm vụ tại địa phương*).

4. Đề xuất, kiến nghị

a) Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp sớm sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở để phù hợp tình hình hiện nay; tổ chức biên soạn tài liệu, các tình huống hòa giải

diễn hình, tình huống mô phỏng về hòa giải thực hiện đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử để hòa giải viên cơ sở truy cập, nghiên cứu, tham khảo; tổ chức học tập kinh nghiệm, giới thiệu một số địa phương có cách làm hay, mô hình hiệu quả trong giải quyết các vụ việc hòa giải ở cơ sở để các địa phương học tập, vận dụng; tiếp tục quan tâm hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về hòa giải ở cơ sở tại tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các cơ quan ở tỉnh và UBND cấp xã

Đề nghị các cơ quan ở tỉnh, các cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về công tác hòa giải ở cơ sở đạt chất lượng, hiệu quả; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về hòa giải, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở và thực hiện đăng tải nội dung tài liệu lên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương; nâng cao trách nhiệm, vai trò, năng lực cho cán bộ, công chức tham mưu, quản lý công tác hòa giải và đội ngũ hòa giải viên ở địa phương; chú trọng hỗ trợ, hướng dẫn giải quyết các vụ việc hòa giải tại cơ sở đạt tỷ lệ hòa giải thành cao (*từ 95% trở lên*); quan tâm bố trí nguồn lực (*con người, kinh phí*) đảm bảo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với hoạt động này theo quy định.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác hoà giải ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, địa phương và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác này, chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “*Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030*” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các cơ quan liên quan và địa phương quan tâm bố trí đảm bảo kinh phí trong công tác hoà giải ở cơ sở, thực hiện hỗ trợ kinh phí theo quy định; Sở Tư pháp dự kiến trong quý I/2026 tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế các Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum*).

3. Thường xuyên thực hiện rà soát, củng cố, kiện toàn nguồn nhân lực thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hoà giải, đăng tải, cung cấp tài liệu pháp luật cho tập huấn viên, hoà giải viên, người làm công tác hoà giải ở cơ sở và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác này.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ hòa giải tích cực, chủ động trong việc hòa giải vụ việc bảo đảm 100% vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp tại cơ sở được giải

quyết ngay tại thôn, tổ dân phố và vụ việc hòa giải thành đạt tỷ lệ từ 95% trở lên, những vụ, việc, tranh chấp hòa giải không thành phải được hướng dẫn cụ thể để được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật; chú trọng xây dựng các mô hình hòa giải hiệu quả và nhân rộng tại địa phương.

5. Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở trong việc phối hợp thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở, tuyên truyền phổ biến, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải và nâng cao hiệu quả hoạt động hoà giải ở cơ sở; động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho thành viên, hội viên tham gia tích cực vào các hoạt động hoà giải ở cơ sở, lồng ghép thực hiện với phong trào, cuộc vận động do Mặt trận phát động.

6. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết, các biểu mẫu thống kê theo quy định của Thông tư 17/2025/TT-BTP ngày 24/10/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp đảm bảo kịp thời, chính xác khớp số liệu; tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc củng cố, kiện toàn về tổ chức, hoạt động hoà giải ở cơ sở và biểu dương, khen thưởng kịp thời trong công tác này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Sở Tư pháp kính báo cáo Bộ Tư pháp và UBND tỉnh biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục PBGDPL&TGPL);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo, Đài và Phát thanh Quảng Ngãi;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- GĐ, các PGĐ sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp; Trang TTĐ PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, PBGDPL_{KH}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Văn Tuyên

Phụ lục 1

Số liệu công tác hoà giải ở cơ sở tại cấp xã đến cuối tháng 10/2025

STT	Tên địa phương	Số tổ hòa giải và hòa giải viên								Số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang) (Vụ việc)				Kết quả hòa giải							Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (Đồng)		
		Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (Người)								Tổng số	Chia theo tính chất vụ việc			Số vụ việc hòa giải thành (Vụ việc)	Số vụ việc hòa giải không thành (Vụ việc)				Tỷ lệ hòa giải thành (%)	Số vụ việc chưa giải quyết xong (Vụ việc)	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó:Kinh phí Chi thù lao
			Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo trình độ chuyên môn		Trong đó		Đất đai		Hôn nhân và gia đình	Khác	Tổng số		Chia theo tính chất vụ việc							
				Nam	Nữ	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	Dân tộc thiểu số	Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ							Đất đai	Hôn nhân và gia đình	Khác					
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh		1.690	10.832	8.008	2.824	87	10.745	4.547	4.606	1.399	856	239	304	1.103	278	180	22	76	79,87	18	475.000.000	170.880.000	
1	UBND Xã Mô Cày	14	94	69	25	0	94	0	0	57	50	0	7	47	5	4	0	1	90,38	5	0	0	
2	UBND Xã Trà Bồng	20	157	132	25	1	156	103	157	3	2	0	1	3	0	0	0	0	100	0	0	0	
3	UBND Xã Sơn Tây Hạ	12	58	52	6	0	58	57	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	UBND Xã Đăk Mar	16	112	87	25	0	112	64	85	1	1	0	0	1	0	0	0	0	100	0	5.760.000	320.000	
5	UBND Phường Đăk Bla	17	101	73	28	0	101	9	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	UBND Xã Đăk Kôi	17	124	83	41	0	124	123	123	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	UBND Xã Kon Braih	21	148	102	46	0	148	95	0	25	0	0	25	25	0	0	0	0	100	0	7.360.000	7.360.000	
8	UBND Xã Măng Đen	9	46	29	17	7	39	16	0	1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	
9	UBND Xã Đăk Rve	11	76	48	28	0	76	55	76	8	0	0	8	8	0	0	0	0	100	0	6.720.000	2.560.000	

10	UBND Xã Xốp	11	84	56	28	2	82	84	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	UBND Xã Sơn Tây Thượng	10	61	51	10	0	61	59	0	29	7	15	7	29	0	0	0	0	100	0	0	0
12	UBND Xã Ba Xa	6	35	31	4	0	35	35	35	22	5	17	0	20	2	0	2	0	90,91	0	8.600.000	8.600.000
13	UBND Xã Tịnh Khê	17	165	139	26	0	165	0	165	21	2	0	19	18	3	1	0	2	85,71	0	33.800.000	7.800.000
14	UBND Xã Bình Sơn	40	313	217	96	0	313	0	296	33	25	0	8	21	12	12	0	0	63,64	0	35.700.000	11.700.000
15	UBND Xã Sơn Tịnh	19	183	162	21	0	183	0	183	101	92	2	7	82	19	16	0	3	81,19	0	0	0
16	UBND Xã Sơn Kỳ	16	64	55	9	0	64	63	0	34	3	31	0	32	2	2	0	0	94,12	0	0	0
17	UBND Xã Mộ Đức	22	139	92	47	0	139	0	0	38	25	0	13	32	6	4	0	2	84,21	0	0	0
18	UBND Xã Bình Chương	7	47	33	14	1	46	0	0	25	25	0	0	22	3	3	0	0	88	0	0	0
19	UBND Xã Tây Trà	14	70	53	17	18	52	69	18	17	7	9	1	17	0	0	0	0	100	0	0	0
20	UBND Xã Kon Đào	19	126	95	31	1	125	111	0	5	4	0	1	2	3	2	0	1	40	0	28.750.000	1.390.000
21	UBND Xã Sơn Hà	20	110	83	27	0	110	89	0	5	5	0	0	4	1	1	0	0	80	0	0	0
22	UBND Phường Đức Phổ	25	292	232	60	0	292	0	292	37	27	4	6	37	0	0	0	0	100	0	16.000.000	14.800.000
23	UBND Xã Ba Vinh	13	65	53	12	0	65	0	0	9	0	5	4	0	9	0	5	4	0	0	1.800.000	1.800.000
24	UBND Xã Thiện Tín	20	126	93	33	0	126	12	106	14	14	0	0	8	6	6	0	0	57,14	0	16.000.000	800.000
25	UBND Xã Sơn Mai	15	128	96	32	0	128	103	128	26	13	7	6	18	8	7	0	1	69,23	0	21.900.000	9.300.000
26	UBND Xã Sơn Thủy	16	73	53	20	0	73	66	0	36	16	14	6	32	3	3	0	0	91,43	1	0	0
27	UBND Xã Rờ Koi	6	41	35	6	0	41	40	41	3	2	1	0	2	1	1	0	0	66,67	0	890.000	890.000
28	UBND Xã Ba Đình	10	62	51	11	2	60	56	62	15	5	7	3	12	3	1	2	0	80	0	1.500.000	1.500.000
29	UBND Xã Ba Vĩ	14	71	65	6	0	71	67	0	65	35	3	27	56	9	6	1	2	86,15	0	9.300.000	7.700.000
30	UBND Xã Nghĩa Giang	18	96	61	35	0	96	0	96	28	23	3	2	10	18	14	3	1	35,71	0	0	0

31	UBND Phường Cẩm Thành	25	125	77	48	2	123	0	125	6	3	0	3	5	1	0	0	1	83,33	0	11.250.000	0
32	UBND Phường Nghĩa Lộ	34	202	131	71	0	202	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	UBND Phường Trương Quang Trọng	26	156	130	26	0	156	0	156	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	UBND Phường Trà Cầu	20	168	132	36	0	168	0	168	15	15	0	0	12	3	3	0	0	80	0	7.850.000	2.600.000
35	UBND Phường Sa Huỳnh	13	139	107	32	0	139	0	139	13	13	0	0	6	7	7	0	0	46,15	0	22.050.000	4.500.000
36	UBND Phường Đăk Cẩm	24	130	65	65	0	130	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	UBND Phường Kon Tum	48	289	183	106	4	285	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	UBND Xã An Phú	31	190	136	54	4	186	0	190	74	35	5	34	71	3	3	0	0	95,95	0	83.900.000	29.300.000
39	UBND Xã Vạn Tường	30	150	106	44	3	147	0	2	27	25	0	2	21	6	5	0	1	77,78	0	18.000.000	10.200.000
40	UBND Xã Bình Minh	15	106	79	27	0	106	0	0	11	11	0	0	11	0	0	0	0	100	0	4.400.000	44.00.000
41	UBND Xã Đông Sơn	33	164	120	44	1	163	0	66	13	13	0	0	9	4	4	0	0	69,23	0	0	0
42	UBND Xã Thanh Bồng	12	60	47	13	0	60	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	UBND Xã Đông Trà Bồng	11	63	38	25	2	61	17	63	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	UBND Xã Cà Đam	8	47	38	9	2	45	46	30	1	1	0	0	1	0	0	0	0	100	0	0	0
45	UBND Xã Tây Trà Bồng	14	93	79	14	1	92	92	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	UBND Xã Thọ Phong	11	120	103	17	1	119	0	120	26	26	0	0	16	10	10	0	0	61,54	0	0	0

47	UBND Xã Trường Giang	16	149	116	33	2	147	0	68	30	30	0	0	22	7	7	0	0	75,86	1	0	0
48	UBND Xã Ba Gia	12	82	65	17	0	82	0	50	45	43	0	2	31	8	8	0	0	79,49	6	0	0
49	UBND Xã Tư Nghĩa	25	166	108	58	0	166	0	0	4	0	0	4	4	0	0	0	0	100	0	5.200.000	1.600.000
50	UBND Xã Vệ Giang	18	105	68	37	1	104	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	UBND Xã Trà Giang	18	159	121	38	0	159	26	36	36	36	0	0	32	4	4	0	0	88,89	0	0	0
52	UBND Xã Sơn Hạ	19	151	123	28	3	148	120	0	2	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
53	UBND Xã Sơn Linh	18	141	105	36	0	141	124	0	58	22	21	15	53	5	1	1	3	91,38	0	0	0
54	UBND Xã Sơn Tây	13	65	52	13	0	65	65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	UBND Xã Minh Long	16	109	87	22	0	109	89	0	9	0	0	9	9	0	0	0	0	100	0	0	0
56	UBND Xã Nghĩa Hành	15	109	75	34	0	109	0	65	34	33	1	0	24	7	6	1	0	77,42	3	0	0
57	UBND Xã Phước Giang	18	133	89	44	0	133	1	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	100	0	800.000	800.000
58	UBND Xã Đình Cương	20	148	103	45	0	148	0	0	25	25	0	0	21	2	2	0	0	91,3	2	0	0
59	UBND Xã Long Phụng	23	135	96	39	1	134	0	49	51	36	1	14	44	7	7	0	0	86,27	0	0	0
60	UBND Xã Lân Phong	9	63	51	12	0	63	0	18	32	32	0	0	30	2	2	0	0	93,75	0	0	0
61	UBND Xã Nguyễn Nghiêm	11	89	61	28	0	89	0	89	23	22	1	0	16	7	7	0	0	69,57	0	19.900.000	8.500.000
62	UBND Xã Khánh Cường	14	120	103	17	0	120	0	120	5	0	0	5	3	2	0	0	2	60	0	1.800.000	1.800.000
63	UBND Xã Ba Tơ	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	UBND Xã Ba Động	10	64	52	12	0	64	31	0	41	13	27	1	29	12	8	4	0	70,73	0	0	0

65	UBND Xã Đặng Thù Trâm	8	47	37	10	0	47	47	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
66	UBND Xã Ba Tô	14	91	76	15	0	91	91	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
67	UBND Xã Ngọc Bay	16	104	74	30	0	104	67	96	2	1	1	0	2	0	0	0	0	100	0	640.000	640.000
68	UBND Xã la Chim	21	147	105	42	0	147	85	139	6	3	0	3	0	6	3	0	3	0	0	0	0
69	UBND Xã Đăk Rơ Wa	28	232	163	69	11	221	154	56	1	1	0	0	1	0	0	0	0	100	0	0	0
70	UBND Xã Đăk Pék	20	144	103	41	0	144	116	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
71	UBND Xã Đăk Plô	13	130	103	27	0	130	130	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
72	UBND Xã Ngọc Linh	22	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
73	UBND Xã Đăk Long	9	45	36	9	0	45	40	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
74	UBND Xã Đăk Môn	18	91	62	29	0	91	84	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
75	UBND Xã Bờ Y	30	193	128	65	1	192	110	0	49	1	2	46	0	49	0	3	46	0	0	0	0
76	UBND Xã Dục Nông	24	155	112	43	2	153	139	24	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
77	UBND Xã Sa Loong	14	101	70	31	1	100	58	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
78	UBND Xã Đăk Tô	31	183	138	45	0	183	90	180	11	0	0	11	9	2	0	0	2	81,82	0	25.380.000	3.310.000
79	UBND Xã Đăk Sao	22	132	102	30	7	125	132	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
80	UBND Xã Đăk Tờ Kan	16	81	59	22	0	81	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
81	UBND Xã Tu Mơ Rông	17	104	67	37	0	104	104	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
82	UBND Xã Ngọc Tụ	11	56	44	12	0	56	56	56	4	1	0	3	4	0	0	0	0	100	0	16.800.000	960.000
83	UBND Xã Măng Ri	31	161	98	63	0	161	159	62	62	0	62	0	62	0	0	0	0	100	0	57.040.000	19.840.000

84	UBND Xã Mãng Bút	26	104	74	30	0	104	104	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
85	UBND Xã Kon Plông	25	75	50	25	1	74	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
86	UBND Xã Đăk Hà	29	177	131	46	1	176	0	152	20	20	0	0	13	7	7	0	0	65	0	5.910.000	5.910.000
87	UBND Xã Đăk Pxi	10	66	53	13	0	66	60	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
88	UBND Xã Đăk Ui	15	98	74	24	0	98	66	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
89	UBND Xã Ngọc Réo	14	105	83	22	1	104	95	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
90	UBND Xã Sa Thầy	17	139	107	32	0	139	56	139	2	2	0	0	1	1	0	0	1	50	0	0	0
91	UBND Xã Sa Bình	17	109	97	12	0	109	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
92	UBND Xã Ia Đal	11	74	56	18	0	74	74	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	100	0	0	0
93	UBND Xã Mô Rai	10	44	42	2	1	43	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
94	UBND Xã Ia Tơi	10	56	38	18	0	56	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
95	UBND Xã Ya Ly	14	99	79	20	0	99	83	99	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
96	UBND Đặc khu Lý Sơn	6	32	20	12	2	30	0	32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0